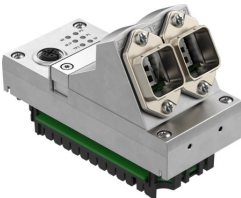


Giao thức
CPX-M-FB44
Số bộ phận: 8110370

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Giao thức	PROFINET IRT PROFINET RT
Kích thước B x L x H	(gồm khối liên kết) 50 mm x 107 mm x 80 mm
trọng lượng sản phẩm	280 g
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Mức độ bảo vệ	IP65 IP67
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Giấy phép	Dấu RCM
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực
Màn hình LED cụ thể theo sản phẩm	M: Sửa đổi, tham số hóa PL: Nguồn cấp tải PS: Nguồn cấp điện tử, nguồn cấp cảm biến SF: Lỗi hệ thống
Màn hình LED dành riêng cho bus	M/P: Maintenance/PROFInergy NF: Lỗi mạng TP1: Mạng hoạt động cổng 1 TP2: Mạng hoạt động cổng 2
Chẩn đoán thiết bị cụ thể	Chẩn đoán theo hướng kênh và mô-đun Điện áp thấp mô-đun Bộ nhớ chẩn đoán
Các yếu tố vận hành	Công tắc DIL
Giao diện fieldbus	2x ổ cắm RJ45 Push-pull, AIDA
Đầu vào khối lượng địa chỉ tối đa	64 byte
Khối lượng địa chỉ tối đa Đầu ra	64 byte
Tham số hóa	Phản hồi sau chẩn đoán Phản hồi an toàn Ép kênh Thiết lập tín hiệu tham số hệ thống
tốc độ truyền	100 Mbit/s
Hỗ trợ cấu hình	Tập GSDML

Đặc tính	Giá trị
Chức năng bổ sung	Truy cập dữ liệu acyclic qua Fieldbus Truy cập dữ liệu acyclic qua Ethernet Fast Start Up (FSU) I&M Chẩn đoán liên quan đến kênh qua fieldbus LLDP MQTT MRP MRPD PROFenergy PROFIsafe Dự phòng hệ thống S2 Tham số khởi động ở dạng văn bản thuần túy qua fieldbus Trạng thái hệ thống có thể được minh họa thông qua dữ liệu quy trình Giao diện chẩn đoán bổ sung cho thiết bị điều khiển
Dải điện áp hoạt động DC	18 V...30 V
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức	Loại, 70 mA